

“ĐI THỰC TẾ” (FIELD TRIPS) – PHƯƠNG PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHE-NÓI CHO SINH VIÊN HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

GV: Đặng Kiều Diệp – Khoa: Ngoại Ngữ

I. Đặt vấn đề

Trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các diễn đàn về chủ đề giáo dục ngày nay, chúng ta hay nghe nhắc nhiều đến việc cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy. Vấn đề này càng trở nên vô cùng cấp thiết ở bậc đại học nơi “sinh viên học nhiều kiến thức, vùi đầu vào sách vở mà không hiểu sâu hoặc không biết ứng dụng vào thực tiễn như thế nào” (Nguyễn Nhật Minh, 2012). Ngoài ra, cũng theo ý kiến của tác giả này, “chỉ tiêu đào tạo đề ra chưa đồng bộ với nhu cầu xã hội, chưa đáp ứng đòi hỏi của sản xuất, kinh doanh, của các doanh nghiệp. Cho nên đã xảy ra tình trạng nhiều sinh viên ra trường rất khó kiếm việc làm hoặc phải làm trái nghề”.

Nói cụ thể hơn, trình độ tiếng Anh của sinh viên sau khi ra trường cũng không mấy khả quan. Theo tác giả Hàn Giang (2012), “đa phần sinh viên khi ra trường đi xin việc ở các doanh nghiệp đều không đáp ứng được tiêu chí nói tiếng Anh giao tiếp một cách lưu loát.” Theo kết quả khảo sát do Vụ Giáo dục Đại Học thống kê từ báo cáo về tình hình giảng dạy tiếng Anh của 59 trường ĐH không chuyên ngữ trong cả nước được đề cập trong một bài viết về chủ đề Giáo dục trên trang Web của Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội thì có đến “51,7% SV tốt nghiệp không đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng tiếng Anh” do các doanh nghiệp đề ra.

Thực trạng này đã và đang thực sự là vấn đề mà các trường đại học trên cả nước quan tâm tháo gỡ. Bài báo cáo này đề cập đến hoạt động đi thực tế (Field trips) như là một phương pháp hữu hiệu giúp nâng cao kỹ năng nghe-nói cho sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành. Đầu tiên, bài báo cáo sẽ làm rõ hoạt động đi thực tế (HĐTT) là gì cũng như những ưu điểm của hoạt động đối với việc khuyến khích sinh viên (SV) nghe-nói trong quá trình tham gia lớp học Tiếng Anh chuyên ngành (TACN). Tiếp theo sẽ là cách thức tiến hành hoạt động và một vài ví dụ về HĐTT đã được thực hiện tại Trường Đại học Nha Trang (ĐHNТ). Phần cuối của bài báo sẽ là một số kiến nghị cần thiết giúp việc thực hiện hoạt động được hiệu quả hơn.

II. Tiến trình thực hiện HĐTT

1. HĐTT là gì và vì sao phải ứng dụng HĐTT trong quá trình giảng dạy TACN?

Krepel and Durrall (1981) cho rằng HĐTT là hoạt động được tổ chức tại địa điểm ngoài lớp học nơi sinh viên có cơ hội tiếp xúc với hoàn cảnh thật. Đó có thể là hoạt động diễn ra trong thời gian ngắn dưới sự quan sát của giáo viên hoặc là một dự án điều tra khảo sát dài ngày. Điều quan trọng ở đây chính là hoạt động diễn ra ngoài khuôn khổ cứng nhắc của lớp học (Michie, 1998). Theo Brian and Linda (2004),

HĐTT giúp SV có những trải nghiệm thật về kiến thức học được truyền thụ trên lớp. Hơn nữa HĐTT còn giúp nâng cao động lực học tập của SV, giúp họ năng động hơn trong tiến trình học tập và vì thế mà đạt kết quả tốt hơn (Nabors et al., 2009).

Thoát ra khỏi hoạt động tẻ nhạt của phương pháp giảng dạy truyền thống là đọc tài liệu TACN, làm bài tập viết hoặc dịch, HĐTT rõ ràng mang đến những lợi ích thiết thực trong quá trình học tập của SV. Điều này sẽ được làm sáng tỏ hơn thông qua một vài ví dụ về HĐTT đã được tiến hành trong quá trình giảng dạy TACN tại trường ĐHNT cùng với cách thức thực hiện và kết quả đạt được.

Có thể có nhiều mô hình cho các HĐTT, tuy nhiên, bài viết này xin đề cập đến hai loại hình cơ bản: HĐTT mô phỏng (Simulated Field Trips) và HĐTT (Physical Field Trips). Nếu HĐTT là một chuyến đi đến một địa điểm thực tế cụ thể nơi mà SV được khuyến khích sử dụng tiếng Anh để tương tác hoặc với giáo viên (GV) hoặc với bạn cùng lớp về kiến thức đã được truyền thụ trên lớp thì HĐTT mô phỏng là một ngữ cảnh mở được thiết lập nhằm tạo cơ hội cho SV được tiếp xúc và giao tiếp với người nói tiếng Anh bản xứ đã được giáo viên mời đến với tư cách là thuyết khách. Cho dù là mô hình nào đi nữa thì khi tham gia vào, SV đều có nhu cầu và phải sử dụng tiếng Anh để tương tác trong quá trình học. Và điều này vô hình chung đã giúp nâng cao kỹ năng nghe nói của SV- kỹ năng được cho là SV chưa đạt yêu cầu theo ý kiến của các cơ quan tuyển dụng như đã trình bày.

2. Cách thức thực hiện và kết quả đạt được

2.1. HĐTT mô phỏng

2.1.1. Cách tiến hành

Ngay từ đầu khóa học, GV cần có kế hoạch cụ thể và hết sức chi tiết về chủ đề dự định tổ chức HĐTT mô phỏng. Dựa vào chủ đề này, GV lên lịch trình cụ thể để từ đó lập kế hoạch mời giáo viên bản xứ (GVBX) với tư cách là thuyết khách.

Với nguyên tắc chủ yếu của HĐTT mô phỏng là chỉ có tiếng Anh được sử dụng trong quá trình dạy và học TACN khi SV phải nghe GVBX bằng tiếng Anh (TA) và sử dụng TA để chất vấn, môi trường học tập này đã là “tình huống nói TA” thực mà không dễ xảy ra trong môi trường TA không được sử dụng để giao tiếp chính thống như ở Việt Nam. Hơn nữa, việc tương tác với GVBX là cơ hội quý báu giúp SV nâng cao các yếu tố góp phần quan trọng cho kỹ năng nói lưu loát và tự nhiên như người bản xứ thông qua ngữ điệu, trọng âm và cả ngôn ngữ hình thể như điệu bộ, cử chỉ và ánh mắt.

Theo thuyết ZPD của Vygotsky (1978) thì người học ngoại ngữ cần được trang bị môi trường tương tác mang tính xã hội cao để khám phá và tìm hiểu những kiến thức chuyên ngành không chỉ từ GV, bè bạn mà còn từ chuyên gia về lĩnh vực đang

học. Vì vậy, việc tìm kiếm chuyên gia nói TA như tiếng bản xứ cũng là vấn đề GV nên cân nhắc để tham gia vào HĐTT mô phỏng với tư cách là thuyết khách.

Như đã đề cập, trong quá trình dạy TACN Công nghệ thông tin, thay vì tổ chức một chuyến đi thực tế đến công ty máy tính mà được cho là tốn kém thời gian và tiền bạc và đôi khi khó thực hiện khi không có sự đồng tình của Ban lãnh đạo công ty, việc mời GVBX đến lớp trong một tình huống được tổ chức như là SV đang tham quan công ty máy tính sẽ là lựa chọn ít tốn kém hơn nhưng vẫn tạo được không gian mở để SV nghe và chất vấn GV về lĩnh vực đang học. Tuy nhiên, lớp học này chỉ nên được tổ chức sau khi SV được trang bị một số kiến thức và thuật ngữ chuyên ngành cơ bản về các loại máy tính, đặc tính kỹ thuật... Có như thế, sự tương tác bằng TA mới có thể diễn ra hiệu quả và không đi chệch hướng.

Ngoài ra, điều cuối cùng rất quan trọng là GV nên có hoạt động kiểm tra hiểu biết của SV sau khi tham gia HĐTT mô phỏng và có động tác điều chỉnh cơ bản giúp SV nắm vững bài học hơn. Như vậy, SV sẽ cảm thấy thoát ra khỏi cảm giác lo âu vì không hiểu được bài và cảm thấy tự tin hơn khi tham gia các HĐTT mô phỏng kế tiếp.

2.1.2. Kết quả đạt được

Tuy chỉ ứng dụng HĐTT trên cho đối tượng hẹp là SV chuyên ngành công nghệ thông tin khóa 43 với giáo viên bản xứ người Canada trong thời gian một học kỳ, kết quả đạt được rất đáng khích lệ. Theo quan sát cho thấy SV tự tin tham gia giao tiếp bằng TA trong quá trình học. Nếu đầu học kỳ chỉ có khoảng 5/45SV tích cực tham gia phát biểu bằng TA thì con số này đã tăng lên đến 30/45SV vào cuối học kỳ.

Kết quả từ phỏng vấn nhanh với 10 SV được chọn ngẫu nhiên về cảm nhận khi tham HĐTT mô phỏng cho thấy phần lớn SV (7/10) nhìn nhận đây là hoạt động hữu ích nhằm tạo cho họ môi trường nói TA tự nhiên trong lớp học mà họ khó thể tìm thấy ở Việt Nam. Nhiều SV còn bày tỏ mong muốn HĐTT mô phỏng nên được thiết kế với tần suất nhiều hơn với lý do hoạt động này đã dần giúp họ vượt rào cản e ngại khi nói TA và cảm thấy không khí học tập thật thoải mái để họ có thể nói tự nhiên mà không sợ bị bạn bè chê cười.

“Không khí học tập thật thoải mái, em không sợ gì nữa cả, em có thể nói TA thoải mái để hỏi GVBX về những vấn đề em quan tâm và cần làm rõ mà không sợ bị bạn cười” (SV3)

“Lúc đầu thấy không quen vì tự nhiên có người lạ trong lớp. Tuy nhiên cách cô tổ chức lớp giúp em cảm thấy không bị áp lực cứng nhắc trong khuôn khổ. Chúng em có thể đi lại và nói chuyện tự nhiên với GVBX. Vui lắm!” (SV6)

SV9 còn bổ sung: “Tổ chức hoạt động này nhiều thêm nữa đi cô. Học như thế này chúng em sẽ tự nguyện nói TA nhiều hơn, và cô không phải ép nói TA nữa!”

2.2. HĐTT

2.2.1. Cách tiến hành

Ngay từ đầu khóa học, GV cần có kế hoạch cụ thể và hết sức chi tiết về địa điểm và thời gian dự kiến cho SV đi thực tế. Theo Pieroux (2005), đi thực tế là hoạt động như chiếc cầu nối giữa môi trường học chính tắc trong lớp với môi trường thoải mái ngoài lớp học. Điều này có nghĩa là HĐTT phải tạo điều kiện cho người học ứng dụng kiến thức học được trong lớp vào thực tiễn cuộc sống. Như vậy, hoạt động này chỉ nên được thực hiện khi SV đã được cung cấp một lượng kiến thức cơ bản nhất định đủ để ứng dụng vào thực tế, tốt hơn hết là giai đoạn cuối học kỳ. Ở giai đoạn này, sinh viên đã được trang bị một số kiến thức nhất định về chuyên ngành cũng như các kỹ năng cơ bản đủ để tiến hành HĐTT.

Thêm vào đó, HĐTT chỉ có kết quả tốt nếu được chuẩn bị thật chu đáo. Cụ thể, trước khi tiến hành cho SV đi thực tế GV cần tạo cơ hội cho SV tiếp xúc trước với nơi họ chuẩn bị đến thông qua hoạt động trên lớp hoặc bài tập chi tiết đòi hỏi SV phải làm quen với địa điểm sẽ đi thực tế bằng cách tìm hiểu thông tin trên mạng. Một số thuật ngữ có liên quan cũng như kiến thức nền về lĩnh vực, địa điểm SV đến sẽ rất hữu ích cho SV khi đi thực tế. Chẳng hạn, trong quá trình dạy TACN Du lịch, trước khi tổ chức cho SV đi thực tế tại Nhà thờ Đá và Chùa Long Sơn, hai địa điểm du lịch nổi tiếng ở Nha Trang, một số hoạt động giới thiệu thuật ngữ du lịch trên lớp đã được triển khai. Sau đó SV có bài tập về nhà là đọc thông tin trên mạng và tổng hợp viết tóm tắt về hai địa điểm du lịch trên. Bằng cách này, SV cảm thấy tự tin hơn và năng động tham gia thuyết trình vì họ đã được chuẩn bị kỹ từ vựng và thông tin về địa điểm mình sẽ đến. Như vậy bản thân SV đã trở thành hướng dẫn viên cung cấp thông tin bằng TA cho cả lớp. Ngoài ra, nhóm SV trình bày cũng giải đáp thắc mắc do các nhóm du khách đề ra.

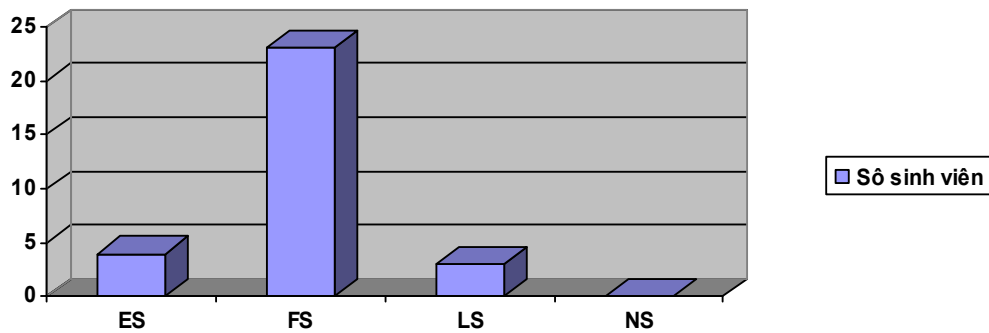
Đi thực tế là một hoạt động yêu cầu các kỹ năng kiến thức sống cao. Hoạt động diễn ra trong môi trường sống thực tế mà đôi khi có những tình huống không lường trước xảy ra. Vì vậy, GV không chỉ trang bị kiến thức cho SV mà còn hướng SV đến việc trau dồi thái độ và các kỹ năng mềm như hợp tác tốt với bạn đồng hành trong suốt chuyến đi, thu thập và xử lý chia sẻ thông tin, tác phong phù hợp cho chuyến đi,... Điều này đòi hỏi sự khéo léo và nhiệt tình của GV để giúp SV phát triển các kỹ năng thái độ được yêu cầu. GV lúc này đóng vai trò là người bạn đồng hành để hiểu và trợ giúp SV lúc cần thiết.

Một bước cuối cùng nhưng hết sức quan trọng đưa đến sự thành công của chuyến đi thực tế đó là tổ chức buổi đánh giá và chiêm nghiệm về chuyến đi sau khi

chuyên đi kết thúc. Điều này có nghĩa là khi SV tiến hành hoạt động thuyết trình của mình, GV cần quán xuyến, ghi chép cụ thể hoặc thu ghi hình từng chi tiết quá trình diễn ra để nhận xét SV. Có như vậy, SV mới đúc rút được kinh nghiệm và làm tốt hơn cho hoạt động kế tiếp. Nhận xét phản hồi sẽ phải tuân thủ theo nguyên tắc tham khảo cả ý kiến của người học (David Nunan, 1998). Vì vậy, các SV tham gia chuyến đi đó cũng phải tham gia ý kiến nhận xét cùng với nhận xét của GV. Một khi SV đưa ra ý kiến nhận xét được về các SV khác có nghĩa là họ đã đúc rút được kinh nghiệm hay nói khác hơn là học qua lỗi của bạn.

2. 2. 2. Kết quả đạt được

Nhằm giúp SV phiên dịch tốt trong một vài lĩnh vực như du lịch hay thương mại, TACN du lịch hay thương mại đã được đưa vào chương trình học của SV chuyên ngành Biên phiên dịch. Tuy mới ứng dụng hoạt động này trong khoảng thời gian ngắn cho đối tượng SV học môn phiên dịch khóa 51, kết quả ban đầu đạt được rất đáng khích lệ. Cụ thể, khi được hỏi cảm nhận gì khi đi thực tế, hầu hết SV được điều tra cho rằng họ khá hài lòng hoặc rất hài lòng với HĐTT. Biểu đồ sau sẽ giúp làm rõ điều này.



Ghi chú:

ES (Extremely Satisfied): Rất hài lòng

FS (Fairly Satisfied): Khá hài lòng

LS (Little Satisfied): Hơi hài lòng

NS (Not Satisfied): Không hài lòng

Biểu đồ cho thấy 24 SV trên tổng số 30, chiếm tỉ lệ 80% SV được khảo sát biểu đạt sự khá hài lòng khi tham gia hoạt động trên. Chỉ 6,2% là hơi hài lòng và đặc biệt không có SV nào không hài lòng với HĐTT. Số liệu này càng được chứng thực khi một số SV được phỏng vấn nhanh về cách thức cải thiện hoạt động bộc lộ sự quan tâm thích thú và yêu cầu được tổ chức với thời lượng dài hơn, không chỉ một buổi; và với nhiều địa điểm khác, không chỉ trong thành phố.

Vậy, có những lợi ích gì SV có thể gặt hái được khi tham gia hoạt động đã giúp họ quan tâm đến hoạt động trên như vậy? “Có cơ hội học tập trong một môi trường

thoải mái” được rất đông SV chọn khi điều tra, chiếm 86,7%. Quan trọng hơn, đại đa số sinh viên (96,7%) ý thức được “cơ hội thực hành với vai trò là hướng dẫn viên thực sự” là rất cần thiết vì dù họ thuyết trình rất tốt trên lớp vẫn có nhiều vướng mắc khi thuyết trình thực tế. Ngoài ra, “học cách thức chuẩn bị và tác phong tốt cho chuyến đi” cũng được nhiều bạn quan tâm (66,7%). Rõ ràng là hoạt động này đã thu hút được sự quan tâm và mang đến những lợi ích nhất định cho SV khi tiến hành.

3. Một số kiến nghị

3.1. Về phía người trực tiếp giảng dạy

Sẽ có ý kiến cho rằng hoạt động đi thực tế chỉ nên tổ chức cho SV học TACN du lịch vì đối tượng sinh viên này cần phải cọ xát thực tế để hiểu thêm về địa điểm họ có thể làm việc trong tương lai. Sẽ như thế nào nếu có các chuyến đi đến các nhà máy, xí nghiệp, viện chế tạo, trang trại chăn nuôi hay trung tâm nghiên cứu nơi mà một nhóm SV sẽ đóng vai trò hướng dẫn viên để thuyết trình về cơ cấu tổ chức, phương thức vận hành của tổ hợp máy móc, phương cách chế tạo hay chăn nuôi hoặc quy trình chế biến sản phẩm nào đó với những mô hình thực, sản phẩm thực mà họ đã được trang bị kiến thức trên lớp. Những chuyến đi thực này sẽ tạo cho SV cơ hội ứng dụng kiến thức TACN vào nhu cầu giao tiếp thực tế- thuyết trình và trả lời chất vấn. Nhờ vậy, SV sẽ cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng TACN trong giao tiếp nghe và nói.

HĐTT như đã trình bày ở trên đòi hỏi cao ở người giảng dạy để trang bị cho SV không chỉ kiến thức mà còn cả kỹ năng và thái độ làm việc thích hợp. Điều này có nghĩa là để giúp SV thành công khi tiến hành hoạt động trên, giáo viên phải chuẩn bị thật kỹ và chi tiết từng bước trước, trong và sau khi kết thúc chuyến đi. Điều này cho thấy rằng GV phải thực sự làm việc và có kế hoạch thật chi tiết ngay khi bắt đầu khóa học mà nếu vì bận hoặc không đủ nhiệt huyết thì không dễ thực hiện chút nào.

Lòng tin của SV sẽ vững chắc hơn nếu họ biết tất cả các hoạt động của mình đều được GV theo dõi quán xuyên. Ý kiến nhận xét phản hồi của GV là một nhân tố cho SV thấy được điều này. Vì vậy, việc tổ chức một buổi chia sẻ nhận xét và đúc rút kinh nghiệm là không thể thiếu trong việc quyết định SV sẽ hứng thú hơn và quan tâm hơn khi thực hiện hoạt động này.

3.2. Về phía nhà tổ chức giáo dục

Mặc dù trường ta gần đây đã không ngừng tạo điều kiện để GV được thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy nhưng nhiều quy chế chưa thực sự linh hoạt. Đề nghị linh động xác nhận thời gian và sự tham gia cho các GV tổ chức đi thực tế cho SV.

Bên cạnh đó, HĐTT không chỉ nên được tiến hành bó hẹp trong quá trình giảng dạy TACN du lịch hay thương mại mà còn nên nhân rộng ra ở các lĩnh vực khác như TACN chế tạo tàu thủy, nuôi trồng hay chế biến thủy sản,... Vì vậy, nhà trường cần tạo

điều kiện giúp GV có được mối quan hệ với các Viện, trung tâm hay phân xưởng để cho phép tổ chức các chuyến thực tế.

Ngoài ra, HĐTT mô phỏng rất cần có sự hợp tác của các GVBX hoặc các chuyên gia. Điều này có nghĩa là Nhà trường cần tạo điều kiện để các GV tình nguyện tham gia giảng dạy tại trường nhiều hơn cũng như tạo điều kiện để các GV dạy TACN có cơ hội tiếp xúc với các chuyên gia nước ngoài sử dụng TA như tiếng bản địa hoặc lưu loát khi về làm việc trong thời gian ngắn tại trường nhằm lên lịch trình và có kế hoạch mời chuyên gia tham gia HĐTT mô phỏng với tư cách là thuyết khách.

III. Kết luận

Làm thế nào để hướng SV đến với thực tiễn nhằm đáp ứng được nhu cầu của xã hội là vấn đề để GV chúng ta, trên phương diện người dạy, trăn trở nghĩ suy. Con đường đổi mới phương pháp giáo dục sẽ còn dài và có không ít những gian nan. Trên đây chỉ là một số kinh nghiệm cá nhân được đúc rút sau thời gian ứng dụng. Sẽ có không ít những thiếu sót. Rất mong sự góp ý của các đồng nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Hàn Giang. (2012). *Trình độ ngoại ngữ của sinh viên quá yếu*. Đại Học Đà Nẵng.
2. Thanh Hà. (2008). *Vì sao sinh viên ra trường không nói được tiếng Anh?* <http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/20081208/vi-sao-sinh-vien-ra-truong-khong-noi-duoc-tieng-anh/291136.html>
3. Krepel, W. J., and Durrall, C. R. (1981). *Field trips: A guideline for planning and conducting educational experiences*. Washington, DC: National Science Teachers Association.
4. Michie, M. (1998). *Factors influencing secondary science teachers to organise and conduct field trips*. Australian Science Teacher's Journal, 44(4).
5. Nguyễn Nhật Minh. (2012). *Học đi đôi với hành*. Nhandannet.
6. Nabors, M., Edwards, L., and Murray, R. (2009). *Making the case for field trips: what research tell us and what site coordinators have to say*. Education. Vol129. Summer 2009.
7. Nunan, D. (1988). *Second Language Teaching and Learning*. Boston: Heinle & Heinle.
8. Pieroux, P. (2005). *Dispensing Formalities in Art Education Research*. Nordisk Museologi.
9. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.